

QUYẾT ĐỊNH

Về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên giai đoạn 2011 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 933/TTr-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2011 về việc ban hành Quyết định về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên giai đoạn 2011-2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên (gọi tắt là vùng Tây Nguyên, có danh sách kèm theo) giai đoạn 2011 - 2015 nhằm tạo bước phát triển toàn diện ở các cấp học, nhất là giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh của vùng Tây Nguyên và cả nước.

Điều 2. Các chỉ tiêu cụ thể:

1. Giáo dục mầm non: Đến năm 2015, huy động từ 12 - 15% số trẻ dưới 3 tuổi đi nhà trẻ; từ 75 - 80% số trẻ 3 - 5 tuổi học mẫu giáo, trong đó trên 98% trẻ 5 tuổi học mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1; tất cả các tỉnh trong vùng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

2. Giáo dục phổ thông: Đến năm 2015, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 98 - 99% ở tiểu học, 87 - 90% ở trung học cơ sở và 60% ở trung học phổ thông.

3. Giáo dục dân tộc: Đến năm 2015, 100% số huyện có đồng bào dân tộc thiểu số đều có trường phổ thông dân tộc nội trú; có từ 7 - 9% học sinh dân tộc thiểu số trong tổng số học sinh dân tộc đang học ở giáo dục trung học được học nội trú; 96 - 98% trẻ em 5 tuổi người dân tộc thiểu số được chuẩn bị tốt tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

4. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp: Đến năm 2015 thành lập thêm từ 5 - 7 trường trung cấp chuyên nghiệp; phấn đấu nâng số lao động có trình độ trung cấp chuyên nghiệp đến năm 2015 đạt 14% trong tổng số lao động qua đào tạo; thu hút từ 5 - 8% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung cấp chuyên nghiệp.

5. Dạy nghề: Đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 35%; toàn vùng có 05 trường cao đẳng nghề, 15 trường trung cấp nghề, mỗi đơn vị cấp huyện có ít nhất một trung tâm dạy nghề; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp để thu hút từ 5 - 7% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề.

6. Giáo dục đại học: Đến năm 2015, bình quân đạt 180 sinh viên/1 vạn dân; thành lập thêm 02 trường đại học (trong đó có 01 trường đại học tư thục) và 04 trường cao đẳng; tỷ lệ sinh viên người dân tộc thiểu số đạt từ 18 - 20% trở lên trong tổng số sinh viên của các trường đại học, cao đẳng trong vùng.

7. Giáo dục thường xuyên: Đến năm 2015 thành lập thêm các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, trung tâm học tập cộng đồng để tất cả đơn vị cấp huyện đều có trung tâm giáo dục thường xuyên, 90% xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng; phấn đấu tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên là 96%.

Điều 3. Các giải pháp chủ yếu phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng Tây Nguyên

1. Hoàn thiện mạng lưới trường học, thực hiện kiên cố hóa, chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học ở các cấp học, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

a) Giáo dục mầm non:

- Thực hiện đầy đủ chính sách đối với các cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015 nhằm bảo đảm quỹ đất và tăng vốn đầu tư để phát triển mạng lưới trường mầm non đến tất cả các xã; trước hết ưu tiên xây dựng các điểm trường ở các thôn, buôn vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và xây dựng mới để phủ kín trường mầm non ở các xã chưa có trường.

- Xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ thiết yếu theo hướng chuẩn hoá cơ sở vật chất trường học; bảo đảm đủ thiết bị, đồ chơi theo tiêu chuẩn quy định; ưu tiên các điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

b) Giáo dục phổ thông:

- Các tỉnh, các huyện trong vùng tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới trường, lớp học phù hợp với yêu cầu phát triển của giai đoạn 2011 - 2015, bảo đảm tạo thuận lợi cho học sinh đến trường và tăng tỷ lệ huy động học sinh đi học.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; huy động, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để hiện thực hoá quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, từng bước chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học, tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục dân tộc để củng cố, mở rộng quy mô trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện ở những nơi có nhiều đồng bào dân tộc; ưu tiên đầu tư cho trường phổ thông dân tộc bán trú, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho học sinh bán trú; xây dựng nhà ở nội trú cho học sinh dân tộc học trung học phổ thông ở những địa bàn khó khăn. Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất cho các trường học, nhà công vụ giáo viên tại các xã biên giới, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số nhằm phát triển dân sinh, ổn định chính trị và quốc phòng - an ninh.

c) Giáo dục thường xuyên:

Hoàn thiện mạng lưới trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo hướng thực hiện nhiều chức năng, tổ chức trung tâm riêng hoặc kết hợp giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp - dạy nghề tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương; tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho các trung tâm giáo dục thường xuyên. Đa dạng nội dung hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng theo hướng thiết thực và hiệu quả.

d) Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp:

- Huy động các nguồn lực đầu tư để phát triển giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp, ưu tiên các ngành đào tạo về y tế, nông lâm, công nghiệp và xây dựng dân dụng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực tại chỗ.

- Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu tăng quy mô, ngành nghề và nâng cao chất lượng đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

đ) Dạy nghề:

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới các cơ sở dạy nghề đảm bảo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ các yếu tố đảm bảo chất lượng dạy nghề cho một số nghề ở Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt và Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên đạt trình độ quốc tế; các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề còn lại được đầu tư đồng bộ từ 2 - 5 nghề để đạt chuẩn quốc gia. Phát triển và hỗ trợ đầu tư cho các trường dạy nghề dân tộc nội trú và khoa dân tộc nội trú trong các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề. Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cho các trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện hiện có.

e) Giáo dục đại học:

- Ưu tiên đầu tư cho Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Đà Lạt phát triển theo hướng đa ngành, từng bước mở thêm ngành nghề đào tạo mới theo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của vùng, phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu mạnh của vùng Tây Nguyên. Mở rộng quy mô đào tạo của Khoa dự bị Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Dự bị Đại học dân tộc Nha Trang nhằm tạo nguồn đào tạo cán bộ có trình độ đại học cho các dân tộc trong vùng; tập trung phát triển Khoa Y Dược Trường Đại học Tây Nguyên làm cơ sở để thành lập Trường Đại học Y Dược khi có đủ điều kiện. Nâng cao chất lượng đào tạo tại phân hiệu của Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh ở Gia Lai và phân hiệu của Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực tại chỗ.

- Rà soát, sắp xếp và thành lập các trường đại học, cao đẳng phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng của vùng, trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và điều kiện thành lập trường theo quy định; tăng cường đầu tư đồng bộ, từng bước hiện đại hóa các trường đại học, cao đẳng hiện có theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Mỗi địa phương và từng cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề các cấp đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đảm bảo chất lượng.

b) Củng cố mạng lưới, nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo giáo viên đáp ứng nhu cầu đào tạo mới, đào tạo chuẩn hóa, nâng chuẩn và bồi dưỡng thường xuyên nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, dạy nghề cho cả vùng, trong đó: Ưu tiên đào tạo giáo viên dạy tiếng Bahnar, Jrai, Êđê, M'ông và một số tiếng của các dân tộc khác ở từng địa phương, giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo viên các môn đặc thù. Tiếp tục chủ trương địa phương hóa giáo viên; tăng cường đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, trong đó ưu tiên người đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Đổi mới chương trình đào tạo nghiệp vụ quản lý cho cán bộ quản lý dạy nghề các cấp và ở các cơ sở dạy nghề; áp dụng chương trình đào tạo của các nước phát triển.

d) Thực hiện đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên để có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên của các địa phương.

3. Thực hiện đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, Nghị định số 70/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2009

của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề; thực hiện phân cấp gắn với quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục, dạy nghề; tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, dạy nghề.

b) Triển khai đại trà chương trình giáo dục mầm non mới; tập trung chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, đổi mới phương pháp dạy học ở các cấp học theo hướng phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh, đặc biệt đối với học sinh dân tộc thiểu số có học lực dưới mức trung bình; thực hiện các giải pháp quản lý giáo dục mang tính đặc thù cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Đẩy mạnh tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở giáo dục mầm non, tiểu học và ở trung học cho những nơi có điều kiện; thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; duy trì nề nếp, kỷ cương, kỷ luật quản lý chuyên môn.

d) Triển khai các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ ở các cơ sở giáo dục thường xuyên, tạo điều kiện cho người dân tham gia học tập nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng xã hội học tập.

đ) Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và đánh giá kết quả học sinh gắn với chuẩn nghề nghiệp. Phát triển chương trình, học liệu dạy nghề phù hợp với đặc thù của người dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên; chỉnh sửa, bổ sung chương trình dạy nghề theo chương trình đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

4. Giải pháp xã hội hoá giáo dục, đào tạo và dạy nghề

- Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp xây dựng đồng bộ hệ thống biện pháp để nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề; huy động sự tham gia của người dân vào quá trình giám sát, quản lý, thực thi các hoạt động; tạo ra sức mạnh để thực hiện bình đẳng trong giáo dục, đưa đến cơ hội học tập cho tất cả mọi người dân, đặc biệt là đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Các địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục, dạy nghề thuộc các loại hình; ban hành chính sách địa phương để khuyến khích mở rộng hình thức xã hội hóa giáo dục, dạy nghề theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng trường học. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục, dạy nghề, nhất là đào tạo nguồn nhân lực.

5. Giải pháp về tài chính

- Thực hiện chính sách ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng Tây Nguyên; tăng kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn xây dựng cơ bản tập trung, kinh phí từ các dự án vay vốn ODA, viện trợ quốc tế để lồng ghép thực hiện các mục tiêu của giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong vùng.

- Tăng cường đầu tư xây dựng ký túc xá trong giai đoạn 2011-2015 để đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho học sinh, sinh viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học trong vùng; đảm bảo chỗ ở nội trú cho tối thiểu 60% học sinh, sinh viên.

Điều 4. Tiếp tục thực hiện và bổ sung một số chính sách

1. Chính sách đối với người học

- Thực hiện đầy đủ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ; các chính sách đối với trẻ em và học sinh mẫu giáo theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015; vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh theo quy định của Nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng quyết định hình thức hỗ trợ học tập cho học sinh một cách linh hoạt (bằng tiền hoặc hiện vật) phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, dự bị đại học, các trường chuyên nghiệp đối với học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông ở các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Bổ sung đối tượng hưởng chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú theo Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Triển khai thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo dạy học ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và giáo dục hòa nhập theo Nghị quyết số 35/2009/QH12 của Quốc hội khóa XII ngày 19 tháng 6 năm 2009 về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015; chính sách đối với giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 – 2015.

- Bổ sung đối tượng giáo viên dạy nghề thường xuyên xuống thôn, buôn dạy nghề được hưởng phụ cấp lưu động như giáo viên thực hiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục. Đối tượng giáo viên dạy nghề cho học sinh, sinh viên học nghề nội trú được hưởng chính sách như nhà giáo dạy ở trường chuyên biệt; đối tượng giáo viên ở các cơ sở dạy nghề vừa dạy lý thuyết, vừa dạy thực hành được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng

Chịu trách nhiệm quy hoạch và bảo đảm quỹ đất tối thiểu theo quy định cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong vùng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối kinh phí để thực hiện các mục tiêu của Quyết định này; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất chính sách đối với học sinh, sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và hướng dẫn thực hiện.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong vùng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề, người dạy, người học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực dạy nghề và hướng dẫn thực hiện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ ngành liên quan và các địa phương tổng hợp, xây dựng phương án hỗ trợ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ ngành liên quan và các tỉnh cân đối ngân sách chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề cho các địa phương trong vùng theo quy định hiện hành.

6. Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ ngành liên quan ban hành các chính sách mới đối với giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, dạy nghề và các loại hình nhà trường.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Phước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).Q. 140

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân



DANH SÁCH

Các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi thuộc các tỉnh giáp Tây Nguyên gọi tắt là vùng Tây Nguyên (Ban hành kèm theo Quyết định số 1951/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Các tỉnh Tây Nguyên, gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

B. Các huyện miền núi thuộc 06 tỉnh giáp Tây Nguyên (danh sách theo công văn số 558/TTg-ĐP ngày 20 tháng 4 năm 2009; công văn số 1129/TTg-ĐP ngày 08 tháng 7 năm 2009; công văn số 2089/TTg-ĐP ngày 3 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ):

I. Tỉnh Quảng Nam:

1. Huyện Bắc Trà My
2. Huyện Đông Giang
3. Huyện Hiệp Đức
4. Huyện Nam Giang
5. Huyện Nam Trà My
6. Huyện Nông Sơn
7. Huyện Phước Sơn
8. Huyện Tây Giang
9. Huyện Tiên Phước

II. Tỉnh Quảng Ngãi:

1. Huyện Ba Tư
2. Huyện Minh Long
3. Huyện Sơn Hà
4. Huyện Sơn Tây
5. Huyện Tây Trà
6. Huyện Trà Bồng

III. Tỉnh Bình Định:

1. Huyện An Lão
2. Huyện Vân Canh
3. Huyện Vĩnh Thạch

IV. Tỉnh Phú Yên:

1. Huyện Đồng Xuân
2. Huyện Sông Hinh
3. Huyện Sơn Hòa

V. Tỉnh Khánh Hòa:

1. Huyện Khánh Sơn
2. Huyện Khánh Vĩnh

VI. Tỉnh Bình Phước:

1. Huyện Bù Đăng
2. Huyện Bù Đốp
3. Huyện Bù Gia Mập
4. Huyện Lộc Ninh
5. Huyện Phước Long

Tổng số 28 huyện miền núi thuộc 06 tỉnh giáp Tây Nguyên.